TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/DS-ST
Ngày: 07-6-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Kim Thảo

2. Bà Lê Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXX-DS ngày 19 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị L, sinh năm 1950; Nơi cư trú: Tổ X, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Lê Thị Mỹ L1 (tên gọi khác là Y) sinh năm 1978; Nơi cư trú: Tổ Y, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào ngày 09/8/2016 Âm lịch, bà có tham gia một phần trong dây hụi 1.000.000đ/tháng do chị Lê Thị Mỹ L1 (Y) làm chủ hụi. Bà đóng hụi được 12 lần với số tiền tổng cộng là 9.710.000đ, cụ thể:

- Lần 1: Đóng hụi vào ngày 09/8/2016 Âm lịch số tiền 850.000đ;

- Lần 2: Đóng hụi vào ngày 09/9/2016 Âm lịch số tiền 835.000đ;

- Lần 3: Đóng hụi vào ngày 09/10/2016 Âm lịch số tiền 830.000đ;

- Lần 4: Đóng hụi vào ngày 09/11/2016 Âm lịch số tiền 850.000đ;

- Lần 5: Đóng hụi vào ngày 09/12/2016 Âm lịch số tiền 800.000đ;

- Lần 6: Đóng hụi vào ngày 09/01/2017 Âm lịch số tiền 790.000đ;

- Lần 7: Đóng hụi vào ngày 09/02/2017 Âm lịch số tiền 825.000đ;

- Lần 8: Đóng hụi vào ngày 09/3/2017 Âm lịch số tiền 825.000đ;

- Lần 9: Đóng hụi vào ngày 09/4/2017 Âm lịch số tiền 800.000đ;

- Lần 10: Đóng hụi vào ngày 09/5/2017 Âm lịch số tiền 785.000đ;

- Lần 11: Đóng hụi vào ngày 09/6/2017 Âm lịch số tiền 780.000đ;

- Lần 12: Đóng hụi vào ngày 09/7/2017 Âm lịch số tiền 740.000đ;

Tổng cộng: 9.710.000đ (Chín triệu bảy trăm mười ngàn đồng).

Đến lần khui hụi thứ 13 thì chị L1 (Y) đã bị "bể hụi" và tránh mặt không gặp bà L. Bà L yêu cầu chị L1 (Y) phải trả số tiền hụi là 12.000.000đ đối với 12 lần bà đã đóng hụi trong đó bao gồm phần tiền vốn và lãi hụi.

* Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã gửi các thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp cho bị đơn, nhưng bị đơn không đến và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

- Bà Nguyễn Thị L rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, chỉ yêu cầu buộc chị L1 (Y) phải trả số tiền hụi bà L đã đóng là 9.710.000đ (Chín triệu bảy trăm mười ngàn đồng).

- Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày bổ sung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn 1 lần số tiền hụi đã đóng là 9.710.000đ (Chín triệu bảy trăm mười ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 23/3/2018, công an xã V, huyện C, tỉnh An Giang xác nhận chị Lê Thị Mỹ L có nơi cư trú tại xã V, huyện C, tỉnh An Giang; Bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết hợp đồng góp hụi theo quy định Điều 471 Bộ luật Dân sự và theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.2 Về sự có mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị L1 đến Tòa án để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng chị L1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L1.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Hợp đồng góp hụi giữa bà L và chị L1 đang được thực hiện từ ngày 09/9/2016 nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015 nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại Bộ luật Dân sự 2015 điều chỉnh khi có tranh chấp.

Hợp đồng góp hụi được xác lập vào ngày 09/8/2016 Âm lịch (nhằm ngày 09/9/2016); giữa nguyên đơn bà L với bị đơn chị L1 đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 471 của Bộ Luật Dân sự đã tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội dung; không trái đạo đức xã hội; do đó hợp đồng góp hụi trên có hiệu lực pháp luật và được pháp luật điều chỉnh khi xảy ra tranh chấp. Tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, xác định, chị Lê Thị Mỹ L1 (Y) làm chủ dây hụi 1.000.000/tháng, khui hụi lần đầu vào ngày 09/8/2016 Âm lịch, dây hụi gồm 26 phần, bà L tham gia một phần. Bà L đóng hụi được 12 lần với tổng số tiền 9.710.000đ, đến lần khui hụi thứ 13 thì chị L1 (Y) bị "bể hụi" và tránh mặt bà L. Bà L yêu cầu chị L1 (Y) phải trả cho bà L một lần số tiền 9.710.000đ tiền đóng hụi 12 lần. Tại biên bản xác minh ngày 23/3/2018, ông Trần Bình T – phó ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang cho biết dây hụi trên đã bị "bể hụi" vào tháng 7 năm 2017 Âm lịch; và tại tờ xác nhận cùng ngày 29/01/2018, bà Nguyễn Thị Tuyết H và bà Hồng Hồng N xác nhận có chơi hụi chung với bà L trong dây hụi trên do bà L1 (Y) làm chủ hụi, số người đã hốt hụi là 12 người, bà L chưa hốt hụi.

Xét mối quan hệ tranh chấp trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: phía bị đơn là người có lỗi, không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình khi hụi bị "bể hụi" hoặc "úp hụi" là thu tiền của hụi viên đã hốt hụi để trả lại tiền cho hụi viên chưa hốt hụi, trong khi đó chị L1 (Y) đã tự bỏ đi khi "bể hụi" mà không thực hiện nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 15, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Việc vi phạm này đã ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán một lần số tiền hụi 9.710.000đ nguyên đơn đã đóng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự và các Điều 14, 15, 26 và 27 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với phần lãi hụi: Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất. Việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14:

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí đối với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn là 9.710.000đ x 5% = 485.500đ (Bốn trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều14, Điều 15, Điều 26, Điều 27 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc chị Lê Thị Mỹ L1 (Y) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 9.710.000đ (Chín triệu bảy trăm mười ngàn đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003197 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Chị Lê Thị Mỹ L1 (Y) phải chịu 485.500đ (Bốn trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/6/2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc được bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Giao